

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 247/2022/DS-ST

Ngày: 06/9/2022

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản
và tranh chấp hui”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khổng Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Thọ

- Ông Phạm Ngọc Đông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Trúc Phương - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2022/QĐXX - ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Hi, sinh năm: 1968; Địa chỉ: 29/11 VNG, TP. Q, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Mộng H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 14 TVK, TP. Q, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Văn T; Địa chỉ: 14 TVK, TP. Q, tỉnh Bình Định.

(Chị Hi có mặt; chị H, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Hi trình bày:

Chị và chị Trần Thị Mộng H quen biết nhau thông qua các mối quan hệ làm ăn. Do đó, ngày 02/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 08/12/2018 (Dương lịch) chị có cho chị H mượn số tiền 50.000.000 đồng; hai bên không thỏa thuận lãi suất; thời hạn trả là 03 tháng. Đến hạn trả nợ chị H không trả, chị đã nhiều lần đến nhà yêu cầu chị H trả tiền nhưng chị H hứa hẹn mà không trả.

Ngoài ra, từ ngày 20/01/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 07/3/2018 (Dương lịch) đến ngày 06/10/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 12/11/2018 (Dương lịch) chị H có tham gia chơi huê do chị làm chủ huê, cụ thể các kỳ huê như sau:

- Ngày 20/01/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 07/3/2018 (Dương lịch), gồm 12 người; Huê 5.000.000đồng/tháng; Chị H chơi 01 chân. Ngày 20/3/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 05/5/2018 (Dương lịch) chị H hốt huê với số tiền 47.200.000 đồng (Kỳ thứ 3). Sau khi hốt huê, chị H nộp tiền huê đến ngày 20/10/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 26/11/2018 (Dương lịch) và còn nợ lại 02 kỳ: 01 kỳ vào ngày 20/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 26/12/2018 (Dương lịch) với số tiền 5.000.000đ và 01 kỳ vào ngày 20/12/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 25/01/2019 (Dương lịch) với số tiền 5.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền chị H còn nợ lại là 10.000.000 đồng.

- Ngày 15/8/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 24/9/2018 (Dương lịch), gồm 12 người; Huê 10.000.000đồng/tháng; Chị H chơi 01 chân. Ngày 15/10/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 21/11/2018 (Dương lịch) chị H hốt huê với số tiền 94.400.000 đồng (Kỳ thứ 3). Sau khi hốt huê chị H còn nợ lại 09 kỳ huê (từ ngày 15/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 21/12/2018 (Dương lịch) đến ngày 15/7/2019 (Âm lịch) nhằm ngày 15/8/2019 (Dương lịch) với số tiền 90.000.000 đồng.

- Ngày 02/9/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 10/10/2018 (Dương lịch), gồm 70 người (70 chân), chị H tham gia 15 chân; huê 100.000 đồng/ngày. Ngày 02/9/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 10/10/2018 (Dương lịch) chị H hốt 15 chân huê với số tiền 91.650.000 đồng. Sau khi hốt huê, chị H nộp tiền huê đến ngày 06/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 12/12/2018 (Dương lịch) và còn nợ lại 06 ngày (từ ngày 07/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 13/12/2018 (Dương lịch) đến ngày 12/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 18/12/2018 (Dương lịch) với số tiền 9.000.000 đồng.

- Ngày 02/10/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 08/11/2018 (Dương lịch), gồm 75 người tham gia; huê 100.000đồng/ngày; Chị H tham gia 25 chân huê. Ngày 02/10/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 08/11/2018 (Dương lịch) chị H hót 15 chân huê với số tiền 98.400.000đ; Ngày 11/10/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 17/11/2018 (Dương lịch) chị H hót 10 chân huê còn lại với số tiền 66.500.000đ. Sau khi hót huê, chị H nộp tiền huê đến ngày 06/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 12/12/2018 (Dương lịch), còn nợ lại 40 ngày huê (Từ ngày 07/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 13/12/2018 (Dương lịch) đến ngày 16/12/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 21/01/2019 (Dương lịch) với số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 06/10/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 12/11/2018 (Dương lịch), gồm 75 người tham gia; huê 100.000đ/ngày; Chị H tham gia 25 chân huê. Ngày 15/10/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 21/11/2018 (Dương lịch) chị H hót 15 chân huê với số tiền 99.750.000đ; Ngày 05/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 11/12/2018 (Dương lịch) chị H hót 10 chân huê còn lại với số tiền 68.500.000đ. Sau khi hót huê, chị H nộp tiền huê đến ngày 06/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 12/12/2018 (Dương lịch), còn nợ lại 45 ngày huê (Từ ngày 07/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 13/12/2018 (Dương lịch) đến ngày 22/12/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 27/01/2019 (Dương lịch)) với số tiền 112.500.000đ. Như vậy, tổng số tiền huê chị H còn nợ chị là 321.500.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị Trần Thị Mộng H phải trả cho chị tổng số tiền còn nợ là 371.500.000 đồng, trong đó tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và tiền hụi là 321.500.000 đồng. Chị không yêu cầu trả lãi đối với các khoản nợ trên.

- Về phía bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị Mộng H nhưng chị H không đến Tòa và không có ý kiến phản hồi. Do chị H không đến Tòa làm việc nên không lấy được lời khai của chị H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trương Văn T nhưng anh T không đến Tòa và không có ý kiến phản hồi nên không lấy được lời khai của anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm,

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự:*

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh Hi. Buộc chị Trần Thị Mộng H phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Minh Hi số tiền vay là 50.000.000 đồng, tiền hội là 321.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh H yêu cầu chị Trần Thị Mộng H trả số tiền vay và tiền hội còn nợ, do đó đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: 14 TVK, TP. Q, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị Mộng H và anh Trương Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Minh Hi yêu cầu chị Trần Thị Mộng H trả số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền hội còn nợ là 321.500.000 đồng. Chị Hi không yêu cầu chị Hòa trả tiền lãi.

[2.1]. Xét yêu cầu của chị Hi đối với khoản tiền vay 50.000.000 đồng: Ngày 02/11/2018 (Âm lịch) nhằm ngày 08/12/2018 (Dương lịch) chị Hi cho chị H vay số tiền 50.000.000 đồng; hai bên không thỏa thuận lãi suất; thời hạn trả là 03 tháng.

Tuy nhiên, từ khi vay đến nay chị H vẫn chưa trả số tiền trên cho chị Hi mặc dù chị Hi đã nhiều lần yêu cầu chị H trả nợ.

Xét thấy: Hợp đồng vay giữa chị Nguyễn Thị Minh Hi và chị Trần Thị Mộng H là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự. Từ khi vay đến nay chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của chị Hi, như vậy chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chị Hi khởi kiện yêu cầu chị H trả một lần tiền gốc 50.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của chị Hi đối với khoản tiền hui 321.500.000 đồng:

Chị Hi xuất trình chứng cứ là các “giấy đã nhận tiền hót huê” có chữ ký, chữ viết của chị Trần Thị Mộng H, đồng thời chị Phạm Thị Minh K, chị Trần Thị Đ là những hui viên cùng tham gia chơi hui với chị H xác nhận chị H có tham gia chơi hui do chị Hi làm chủ hui, sau khi nộp các chân hui thì đến ngày 07/11/2018 (Âm lịch) chị H không nộp cho chị Hi và còn nợ tiền chị Hi chưa trả. Xét thấy, trong dây hui này, chị H là hui viên tham gia hui do chị Hi làm chủ, chị H đã thực hiện quyền lĩnh hui nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp phần hui theo thoả thuận là vi phạm Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Hiện nay, dây hui này đã kết thúc và chị Hi yêu cầu chị H phải trả các phần hui chết không góp với số tiền 321.500.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 17 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, buộc chị Trần Thị Mộng H phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Minh Hi số tiền là 371.500.000 đồng (trong đó tiền vay là 50.000.000 đồng và tiền hui là 321.500.000 đồng).

[2.3]. Về lãi suất: Chị Hi không yêu cầu chị H trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị H phải chịu 371.500.000 đồng x 5% = 18.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hi không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng.

[4]. Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470, 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 16, 17, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh Hi.

Buộc chị Trần Thị Mộng H phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Minh Hi số tiền vay là 50.000.000 đồng và tiền hội là 321.500.000 đồng. Tổng cộng là 371.500.000 đồng (ba trăm bảy mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Về lãi suất: Chị Nguyễn Thị Minh Hi không yêu cầu chị Trần Thị Mộng H trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

3.1. Chị Trần Thị Mộng H phải chịu 18.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Chị Nguyễn Thị Minh Hi không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Minh Hi 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003800; 8.037.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003801 cùng ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. tỉnh Bình Định.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khổng Lan Hương

